

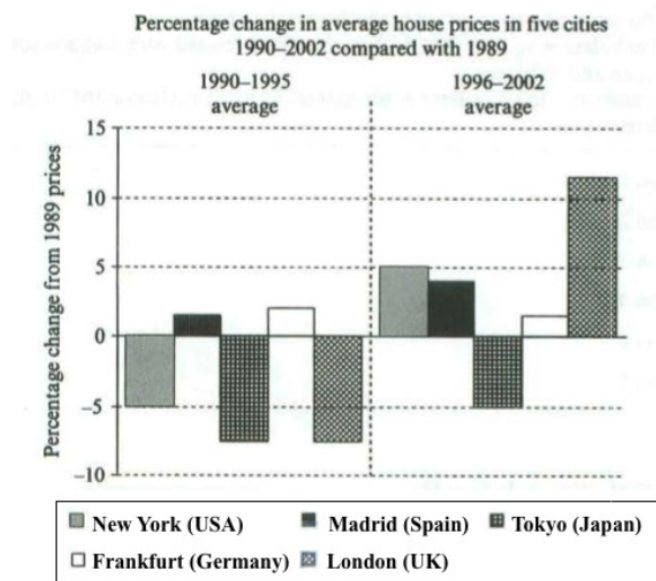
WRITING TASK 1

CHALLENGE 51

DẠNG: BAR CHART

The chart below shows information about changes in average house prices in five different cities between 1990 and 2002 compared with the average house prices in 1989.

Summarise the information by selecting and reporting the main features, and make comparisons where relevant.



BƯỚC 1: Đọc đề và thực hiện theo các bước sau:

- 1/ Tạo structure (dàn ý) cho bài (có mấy đoạn, mỗi đoạn viết gì)
- 2/ Xác định 1-2 điểm nổi bật nhất và chung nhất để làm câu nhận xét tổng quan (overview) + Các key features mà bạn sẽ mô tả về chart (Body paragraphs)



Next Level English

Take your English to the next level with IELTS teachers 8.0+

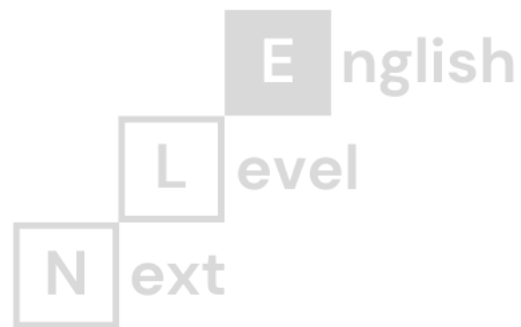
Website: nextlevelenglish.vn

Fanpage/YouTube: [Next Level English](#)

Group: [Học IELTS 8.0+ cùng Hanna](#)

Phone: 0869.354.255 (Zalo – Nuhao)

BƯỚC 2: Tự viết bài theo ý của bạn (min 150 từ), cố gắng canh thời gian ≤ 20 phút.



BƯỚC 3: Đọc bài mẫu và học từ vựng**Sample essay (Simon_band 9.0)**

The bar chart compares the cost of an average house in five major cities over a period of 13 years from 1989.

We can see that house prices fell overall between 1990 and 1995, but most of the cities saw rising prices between 1996 and 2002. London experienced by far the greatest changes in house prices over the 13-year period.

Over the 5 years after 1989, the cost of average homes in Tokyo and London dropped by around 7%, while New York house prices went down by 5%. By contrast, prices rose by approximately 2% in both Madrid and Frankfurt.

Between 1996 and 2002, London house prices jumped to around 12% above the 1989 average. Homebuyers in New York also had to pay significantly more, with prices rising to 5% above the 1989 average, but homes in Tokyo remained cheaper than they were in 1989. The cost of an average home in Madrid rose by a further 2%, while prices in Frankfurt remained stable.

(164 words, band 9)

1/ Structure essay (dàn ý)**Paragraph 1 – Introduction**

- Paraphrases the task question.
- States what is being compared:
 - Average house prices
 - Five major cities
 - Time period (1989–2002)

Paragraph 2 – Overview

- Summarises the main trends without figures.
- Highlights two key features:
 - Overall decline in prices in the early 1990s, followed by a general rise after 1996.
 - London experienced the most dramatic changes over the period.

Paragraph 3 – Details (1989–1995)

- Describes price decreases in Tokyo, London and New York.
- Contrasts these trends with moderate increases in Madrid and Frankfurt.

Paragraph 4 – Details (1996–2002)

- Highlights sharp growth in London and notable increases in New York.
- Notes continued weakness in Tokyo and stability in Frankfurt.

2/ Dịch song ngữ:

English	Vietnamese
The bar chart compares the cost of an average house in five major cities over a period of 13 years from 1989.	Biểu đồ cột so sánh chi phí của một căn nhà trung bình tại năm thành phố lớn trong giai đoạn 13 năm kể từ 1989.
We can see that house prices fell overall between 1990 and 1995, but most of the cities saw rising prices between 1996 and 2002. London experienced by far the greatest changes in house prices over the period .	Có thể thấy rằng giá nhà giảm nhìn chung trong giai đoạn 1990–1995, nhưng hầu hết các thành phố ghi nhận giá tăng từ 1996 đến 2002. London trải qua những biến động lớn nhất về giá nhà trong suốt giai đoạn .
Over the five years after 1989, the cost of average homes in Tokyo and London dropped by around 7%, while New York house prices went down by 5%. By contrast , prices rose by approximately 2% in both Madrid and Frankfurt.	Trong năm năm sau 1989, chi phí nhà trung bình tại Tokyo và London giảm khoảng 7%, trong khi giá nhà ở New York giảm 5%. Ngược lại , giá tăng khoảng 2% tại cả Madrid và Frankfurt.
Between 1996 and 2002 , London house prices jumped to around 12% above the 1989 average. Homebuyers in New York also had to pay significantly more , with prices rising to 5% above the 1989 average, but homes in Tokyo remained cheaper than they were in 1989. The cost of an average home in Madrid rose by a further 2%, while prices in Frankfurt remained stable .	Trong giai đoạn 1996–2002 , giá nhà ở London tăng vọt lên khoảng 12% so với mức trung bình năm 1989. Người mua nhà tại New York cũng phải trả cao hơn đáng kể , với giá tăng lên 5% so với mức năm 1989, nhưng nhà ở Tokyo vẫn rẻ hơn so với năm 1989. Chi phí nhà trung bình tại Madrid tăng thêm 2%, trong khi giá tại Frankfurt duy trì ổn định .

3/ Vocab and Grammar:

3.1/ Vocabulary:

Từ / Cụm	Loại	Nghĩa tiếng Việt	Synonym	Antonym
cost of an average house	n phr	chi phí của nhà trung bình	average house price	—
over a period of	prep phr	trong một khoảng thời gian	over the course of	—
fell overall	v phr	giảm nhìn chung	declined overall	—
saw rising prices	v phr	ghi nhận giá tăng	experienced price increases	—
experienced by far the greatest changes	v phr	trải qua biến động lớn nhất	saw the most dramatic changes	—
dropped by	v phr	giảm một lượng	declined by	rose by

Từ / Cụm	Loại	Nghĩa tiếng Việt	Synonym	Antonym
went down by	v phr	giảm	decreased by	increased by
rose by approximately	v phr	tăng khoảng	increased by roughly	—
jumped to	v phr	tăng vọt lên	surged to	—
had to pay significantly more	v phr	phải trả nhiều hơn đáng kể	faced much higher costs	—
remained cheaper than	v phr	vẫn rẻ hơn so với	stayed lower than	—
rose by a further	v phr	tăng thêm	increased further	—
remained stable	v phr	duy trì ổn định	stayed stable	fluctuated

3.2/ Ngữ pháp và cấu trúc hay:

Cấu trúc	Nghĩa tiếng Việt	Cách dùng	Ví dụ trong bài
The bar chart compares ... over a period of ...	Biểu đồ cột so sánh ... trong giai đoạn ...	Dùng cho Introduction	<i>The bar chart compares the cost of an average house...</i>
We can see that + clause	Có thể thấy rằng...	Dùng để nêu nhận xét tổng quan	<i>We can see that house prices fell overall...</i>
but + clause	nhưng ...	Dùng để tạo đối lập nhẹ	<i>...fell overall..., but most of the cities saw rising prices...</i>
By contrast, + clause	Ngược lại, ...	Dùng để đối chiếu xu hướng khác	<i>By contrast, prices rose by approximately...</i>
Between ... and ...	trong giai đoạn ... đến ...	Dùng để chỉ khoảng thời gian cụ thể	<i>Between 1996 and 2002, London house prices...</i>
while + clause A, clause B	trong khi ... thì ...	Dùng để so sánh hai xu hướng	<i>..., while prices in Frankfurt remained stable.</i>

BƯỚC 4: Sau khi đã học từ bài mẫu, nếu được enhance bài viết của bạn, bạn sẽ viết lại thế nào?